

Căn cứ Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999 và số 14/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 của Chính phủ;

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 75 TT/KH-XD ngày 16 tháng 5 năm 2001,

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

V/v Ban hành Quy định thủ tục hành chính về thẩm định: Dự án đầu tư; Kế hoạch đấu thầu; Hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu; Thành lập doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh và chứng nhận ưu đãi đầu tư

Số: 21/2001/QĐ-UB ngày 24/5/2001

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 và số 12/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 của Chính phủ;

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản: "Quy định thủ tục hành chính về thẩm định: Dự án đầu tư; kế hoạch đấu thầu; Hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu; Thành lập doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh và chứng nhận ưu đãi đầu tư".

Điều 2. Quy định này áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, các Ban quản lý dự án, chủ đầu tư và các doanh nghiệp căn cứ quyết định thi hành ./.

TM. UBND TỈNH LẠNG SƠN

Chủ tịch

Đoàn Bá Nhiên

QUI ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ THẨM ĐỊNH: DỰ ÁN ĐẦU TƯ; KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU; HỒ SƠ MỜI THẦU VÀ KẾT QUẢ ĐẦU THẦU; THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP; ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ CHỨNG NHẬN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo quyết định số 21/2001/QĐ-UB ngày 24/5/2001 của UBND tỉnh)

QUY ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LANG SON

Về thẩm định: Dự án đầu tư; Kế hoạch đấu thầu; Hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu; Thành lập doanh nghiệp; Đăng ký kinh doanh và chứng nhận ưu đãi đầu tư

(Kèm theo Quyết định số: 21/2001/QĐ-UB ngày 24 tháng 5 năm 2001)

Điều 1. Quy định chung và phạm vi áp dụng:

- Quy định này là cụ thể hóa những nội dung cơ bản các quy định hiện hành của Nhà nước về các thủ tục hành chính trong công tác thẩm định: Dự án đầu tư Kế hoạch đấu thầu; Hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu; Thành lập doanh nghiệp;

Đăng ký kinh doanh và chứng nhận ưu đãi đầu tư cho phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm cải tiến thủ tục hành chính và đẩy nhanh tiến độ công tác thẩm định.

- Quy định này áp dụng cho Sở kế hoạch và Đầu tư để thực hiện trong công tác thẩm định: Dự án đầu tư; Kế hoạch đấu thầu; Hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu; Thành lập doanh nghiệp; cấp đăng ký kinh doanh và chứng nhận ưu đãi đầu tư cho phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm cải tiến và đẩy nhanh công tác thẩm định và cấp đăng ký kinh doanh và chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Điều 2: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư (Đối với tất cả các dự án đầu tư theo phương quản lý):

1- Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư bao gồm:

1.1- Tờ trình của chủ đầu tư hoặc chủ dự án xin thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.

1.2- Ý kiến của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chủ trương đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch.

1.3- Ý kiến thẩm định của tổ chức cho vay vốn đầu tư về hiệu quả tài chính của dự án, khả năng cung cấp vốn vay cho dự án và kiến nghị phương thức quản lý dự án (đối với dự án sử dụng vốn vay).

1.4- Các văn bản có giá trị pháp lý khác như:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thông báo cấp địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chứng chỉ quy hoạch.

1.5- Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư:

Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đầu tư phải được lập đầy đủ các nội dung theo quy định và được chủ đầu tư hoặc chủ dự án ký tên, đóng dấu.

2- Tiếp nhận hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư đều phải gửi qua đường văn thư (có dấu công văn đến).

- Sau khi nhận được hồ sơ, trong vòng 3 ngày chuyên viên của Sở Kế hoạch và Đầu tư được phân công thu lý hồ sơ phải xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị thẩm định. Chậm nhất là 5 ngày nếu không có ý kiến gì, coi như dự án đủ điều kiện thẩm định. Nếu hồ sơ thiếu các văn bản theo qui định và nội dung không đạt yêu cầu, chuyên viên của Sở Kế hoạch và Đầu tư có phiếu đề nghị chủ đầu tư cung cấp đủ các nội dung theo yêu cầu của hồ sơ như quy định ở phần (a) trên.

- Thời gian ghi trong Qui định này không tính ngày nghỉ theo chế độ.

3- Thẩm định dự án:

3.1- Các dự án đầu tư đủ điều kiện thẩm định phải tổ chức thẩm định và thực hiện theo các quy định sau:

- Đối với các dự án do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND tỉnh được phân công chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các dự án và báo cáo (trực tiếp bằng văn bản) đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí thẩm định, nhưng không quá 30 ngày, nếu UBND tỉnh không chủ trì thẩm định được thì ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định.

- Đối với các dự án Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì: Giám đốc Sở bố trí thời gian thẩm định, Thời gian thẩm định không quá 20 ngày.

3.2- Trong các cuộc họp thẩm định dự án đầu tư, các thành viên là Giám đốc các ngành tham gia thẩm định (theo Quyết định số 1413/QĐ-UB ngày 18/8/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh) nếu đi công tác vắng thì ủy quyền cho cấp phó hoặc cán bộ có thẩm quyền đi thay và phải chịu trách nhiệm về sự ủy quyền đó.

3.3- Sau khi họp thẩm định: Nếu dự án không phải sửa chữa, bổ sung thì chậm nhất là 10 ngày phải gửi báo cáo thẩm định kèm theo dự thảo quyết định cho cấp có thẩm quyền để xem xét quyết định phê duyệt đầu tư.

Nếu dự án nào chưa đạt yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung thì tùy theo tính chất mức độ phức tạp, khối lượng chỉnh sửa nhiều hay ít mà người chủ trì thẩm định ấn định thời gian chỉnh sửa đối với từng

dự án cụ thể và thông báo bằng văn bản tới chủ đầu tư. Sau khi nhận được dự án đã chỉnh sửa, không quá 10 ngày cơ quan thẩm định phải gửi báo cáo thẩm định kèm theo dự thảo quyết định cho cấp có thẩm quyền để xem xét phê duyệt đầu tư. Đối với dự án chỉnh sửa phải thẩm định lại thì do người chủ trì thẩm định qui định cụ thể thời gian chỉnh sửa.

3.4- Các cơ quan thẩm định dự án đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, chất lượng thẩm định.

4- Quyết định phê duyệt đầu tư:

4.1- Thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư:

Thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư thực hiện theo quyết định số: 18/2000/QĐ-UB ngày 29/3/2000 của UBND tỉnh.

4.2- Thời gian quyết định phê duyệt đầu tư:

Không quá 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Không quá 15 ngày đối với các dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định phê duyệt đầu tư theo phân cấp.

Điều 3: Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư:

1- Đối với dự án nhóm C kế hoạch đầu tư được lập trong nội dung của dự án và

được phê duyệt cùng với quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

2- Đối với dự án nhóm B, kế hoạch đầu tư được thẩm định như sau:

2.1- Hồ sơ trình duyệt kế hoạch đầu tư bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch đầu tư,

+ Kế hoạch đầu tư của dự án do chủ đầu tư lập.

+ Các tài liệu kèm theo tờ trình:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt và các văn bản giải trình bổ sung trong quá trình thẩm định dự án (nếu có).

- Quyết định phê duyệt đầu tư dự án (bản sao).

- Quyết định phê duyệt TKKT thi công và tổng dự toán (nếu có).

- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2.2- Thẩm định kế hoạch đầu tư:

Các dự án nhóm B do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư thì cấp có thẩm định kế hoạch đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.3- Thời gian thẩm định kế hoạch đầu tư:

Đối với các dự án nhóm B: Thời gian thẩm định không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Quy chế là 20 ngày).

2.4- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu:

- Người có thẩm quyền quyết định đấu thầu có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

- Đối với các dự án nhóm B: Thời gian phê duyệt kế hoạch đấu thầu không quá 7 ngày kể từ khi nhận được văn bản báo cáo của cơ quan thẩm định.

Điều 4: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu:

I- Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.

1- Trách nhiệm thẩm định hồ sơ mời thầu:

Căn cứ nhiệm vụ được giao trong quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định và xét duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu do chủ đầu tư trình.

2- Hồ sơ trình duyệt hồ sơ mời thầu:

2.1- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu, trong đó nêu rõ hai vấn đề chính:

- Đề nghị xét duyệt hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế hoặc danh sách ngắn tư vấn tham gia dự thầu* (nếu là đấu thầu tuyển chọn tư vấn).

2.2- Các tài liệu kèm theo tờ trình:

- Hồ sơ mời thầu.

- Danh sách các nhà thầu được mời, kèm theo hồ sơ giới thiệu về nhà thầu, bao gồm:

+ Quyết định thành lập doanh nghiệp (bản sao có công chứng).

+ Đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng).

+ Chứng chỉ hành nghề đối với những loại hình công việc có yêu cầu bắt buộc (bản sao có công chứng).

+ Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của Nhà sản xuất đối với thiết bị phức tạp.

+ Tài liệu giới thiệu năng lực nhà thầu về thiết bị, tài chính, nhân lực, kinh nghiệm...

3- Thời gian thẩm định và xét duyệt:

- Không quá 7 ngày đối với gói thầu có quy mô nhỏ (quy chế là 10 ngày).

- Không quá 15 ngày đối với các gói thầu khác (quy chế là 20 ngày).

II- Thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu:

1- Hồ sơ trình duyệt kết quả đấu thầu:

1.2- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đấu thầu, bao gồm:

- Nội dung gói thầu và cơ sở pháp lý của việc tổ chức đấu thầu.

- Quá trình đấu thầu.
- Kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Đề nghị phê duyệt kết quả đấu thầu: Trong đó nêu rõ tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu (Kể cả tên nhà thầu liên doanh hoặc nhà thầu phụ nếu có); giá đề nghị trúng thầu; loại hợp đồng và thời gian thực hiện.

1.2- Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt:

- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn.

- Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt TKKT thi công và TDT.

- Văn bản phê duyệt các nội dung cơ bản của quá trình đấu thầu (như: Kế hoạch đấu thầu dự án; danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế; hồ sơ mời thầu; tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu).

1.3- Quyết định thành lập tổ chuyên gia hoặc tư vấn giúp việc đấu thầu.

1.4- Biên bản mở thầu, các văn bản liên quan đến việc bên mời thầu yêu cầu và nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có).

1.5- Biên bản thương thảo hợp đồng đối với đấu thầu tuyển chọn tư vấn.

1.6- Dự thảo hợp đồng (nếu có).

1.7- Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu.

1.8- Các tài liệu liên quan khác.

2- Thẩm định kết quả đấu thầu:

2.1- Trách nhiệm thẩm định kết quả đấu thầu:

- Các dự án do tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kết quả đấu thầu trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Cơ quan thẩm định và cá nhân thẩm định kết quả đấu thầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình.

2.2- Thời gian thẩm định kết quả đấu thầu:

- Không quá 10 ngày từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Quy chế là 20 ngày).

- Không quá 15 ngày đối với các dự án có 5 gói thầu trở lên.

3- Phê duyệt kết quả đấu thầu:

Không quá 5 ngày đối với gói thầu có quy mô nhỏ và 7 ngày với các gói thầu khác kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thẩm định.

4- Nộp lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu:

Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu bằng 0,01% giá trị gói thầu. Các chủ đầu tư nộp lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu cho cơ quan thẩm định đồng thời với việc nộp hồ sơ trình duyệt kết quả đấu thầu.

Điều 5: Chỉ định thầu và chào hàng cạnh tranh:

1- Chỉ định thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa:

1.1- Hồ sơ đề nghị chỉ định thầu:

+ Trình xin chỉ định thầu, trong trình phải nêu rõ:

- Lý do chỉ định thầu.

- Giá trị và khối lượng đã được người hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ cho chỉ định thầu.

- Tiến độ thi công.

+ Hồ sơ của nhà thầu xin chỉ định thầu (các văn bản pháp lý hành chính, năng lực kỹ thuật, tài chính, kinh nghiệm, nhân sự...).

+ Các văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo: Dự án, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán...

1.2. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt chỉ định thầu:

- Đối với dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ xin chỉ định thầu và trình UBND tỉnh quyết định chỉ định thầu.

- Thời gian thẩm định không quá 7 ngày, thời gian quyết định không quá 5 ngày.

- Đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư thì do các phòng chuyên môn của Sở thẩm định theo lĩnh vực được giao và trình lãnh đạo Sở quyết định chỉ định thầu.

- Thời gian thẩm định và phê duyệt không quá 10 ngày.

2- Chỉ định thầu tư vấn:

- Các gói thầu tư vấn dưới 500 triệu đồng đều phải có quyết định chỉ định thầu tư vấn (theo điểm 3, mục V, phần II Thông tư số: 96/2000/TT-BTC ngày 28/9/2000 của Bộ Tài chính).

- Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định chỉ định thầu tư vấn.

- Thời gian quyết định chỉ định thầu tư vấn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3- Chào hàng cạnh tranh:

Áp dụng đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa có giá trị dưới 2 tỷ đồng. Thủ tục lập, trình duyệt yêu cầu chào hàng (hồ sơ chào hàng), kết quả chào hàng theo trình tự như đối với gói thầu có quy mô nhỏ.

Điều 6: Trình tự thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh:

1- Hồ sơ xin thành lập doanh nghiệp:

1.1- Đối với doanh nghiệp tư nhân:

- Đơn đăng ký kinh doanh.

1.2- Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Đơn đăng ký kinh doanh.

- Danh sách thành viên.

- Điều lệ công ty.

1.3- Đối với công ty cổ phần:

- Đơn đăng ký kinh doanh

- Danh sách cổ đông sáng lập.

- Điều lệ công ty.

1.4- Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên:

- Đơn đăng ký kinh doanh.

- Điều lệ công ty.

1.5- Đối với công ty hợp danh:

- Đơn đăng ký kinh doanh.

- Danh sách thành viên,

- Điều lệ công ty.

2- Cấp đăng ký kinh doanh:

2.1- Điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh không thuộc đối tượng cấm kinh doanh.

- Tên doanh nghiệp phải đảm bảo:

+ Không trùng và gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp khác trên địa bàn.

+ Không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

+ Phải viết bằng tiếng Việt và có thể viết thêm bằng tiếng nước ngoài với khổ chữ nhỏ hơn.

+ Phải viết rõ loại hình doanh nghiệp.

2.2- Thời hạn cấp đăng ký kinh doanh:

Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, kể cả đăng ký bổ sung

ngành nghề kinh doanh (Luật Doanh nghiệp là 15 ngày).

Điều 7: Ưu đãi đầu tư trong nước:

1- Hồ sơ đăng ký ưu đãi đầu tư:

- Đơn đăng ký ưu đãi.

- Dự án đầu tư hoặc phương án kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao có công chứng).

2- Thời hạn thẩm định cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư:

- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Đối với hồ sơ không hợp lệ, sau khi nhận được hồ sơ không quá 3 ngày người tiếp nhận hồ sơ phải có thông báo cho nhà đầu tư biết để bổ sung, hoàn chỉnh lại hồ sơ.

3- Thời gian quyết định cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư:

Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 8: quy định trách nhiệm:

- Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về chất lượng hồ sơ trình duyệt và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình thẩm định, cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, ưu đãi đầu tư.

- Trong những trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định được phép yêu cầu các

VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ

chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà thầu đến giải trình những vấn đề vướng mắc trong quá trình thẩm định.

- Cơ quan thẩm định phải chịu trách nhiệm về chất lượng, kết quả và thời gian thẩm định. Các chủ đầu tư có quyền khiếu nại cơ quan thẩm định về chất lượng, kết quả, thời gian thẩm định và những vấn đề liên quan khác theo quy định của pháp luật.

- Các chủ đầu tư có trách nhiệm nộp lệ phí thẩm định, cấp giấy đăng ký kinh doanh, cấp giấy ưu đãi đầu tư cho cơ quan thẩm định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Cơ quan thẩm định được sử dụng lệ phí thẩm định theo qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác thẩm định.

Điều 9: Điều khoản thi hành:

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện quy định này và các chế độ chính sách khác của Nhà nước theo đúng chức năng nhiệm vụ.

Quy định này được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và được gửi đến cho các Sở, Ban ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, các Ban quản lý dự án, các chủ đầu tư và các doanh nghiệp để biết và phối hợp thực hiện.

TM/UBND TỈNH LẠNG SƠN

Chủ tịch

Đoàn Bá Nhiên